

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-32



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		285.664.812.241	244.385.491.352
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.560.210.648	52.978.788.551
111	1. Tiền		6.064.079.735	7.664.788.551
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.496.130.913	45.314.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	88.928.000.000	54.723.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		88.928.000.000	54.723.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		113.828.550.481	98.156.269.841
131	1. Phải thu của khách hàng		111.795.602.999	98.691.770.732
132	2. Trả trước cho người bán		2.730.995.827	303.930.812
135	5. Các khoản phải thu khác	5	288.616.096	302.232.738
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(986.664.441)	(1.141.664.441)
140	IV. Hàng tồn kho	6	53.270.933.464	37.195.502.568
141	1. Hàng tồn kho		53.270.933.464	37.195.502.568
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.077.117.648	1.331.930.392
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		265.241.671	189.641.775
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		69.555.275	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.742.320.702	1.142.288.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		350.971.793.463	394.373.074.327
220	II. Tài sản cố định		65.796.893.645	66.843.047.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	64.732.439.488	66.842.389.365
222	- Nguyên giá		142.712.624.760	141.481.908.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.980.185.272)	(74.639.519.551)
227	3. Tài sản cố định vô hình		25.833.335	653.051
228	- Nguyên giá		77.381.873	63.381.873
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.548.538)	(62.723.822)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.038.620.822	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	278.402.432.178	319.817.466.270
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		278.402.432.178	319.817.466.270
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.772.467.640	7.712.560.641
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.591.666.756	7.623.426.443
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	180.800.884	89.134.198
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		636.636.605.704	638.758.565.679

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		107.059.333.176	88.288.820.074
310	I. Nợ ngắn hạn		100.830.358.943	81.618.022.830
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	14.142.870.000	14.866.800.000
312	2. Phải trả người bán		54.167.507.764	31.515.945.046
313	3. Người mua trả tiền trước		1.214.425.146	215.354.396
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.707.152.546	5.409.196.894
315	5. Phải trả người lao động		6.908.751.127	13.875.898.707
316	6. Chi phí phải trả	14	1.887.843.692	842.888.700
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	1.447.654.735	1.342.419.076
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.582.476.191	9.526.611.959
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.771.677.742	4.022.908.052
330	II. Nợ dài hạn		6.228.974.233	6.670.797.244
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		4.591.974.233	4.670.797.244
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		513.425.364.776	532.717.042.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	512.728.603.980	531.802.177.787
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.226.771.437	2.035.375.855
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.819.871.385	1.419.871.385
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		187.579.605.065	207.244.574.454
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		696.760.796	914.865.018
432	1. Nguồn kinh phí		(334.905.241)	(205.065.303)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.031.666.037	1.119.930.321
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		16.151.907.752	17.752.702.800
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		636.636.605.704	638.758.565.679

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	3.812.210.146	3.812.210.146
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	382,71	8.381,33



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	235.025.501.072	249.644.714.123
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	3.032.866.616	531.996.355
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	231.992.634.456	249.112.717.768
11	4. Giá vốn hàng bán	20	199.936.180.864	196.541.136.703
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.056.453.592	52.571.581.065
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	65.195.999.663	45.816.667.071
22	7. Chi phí tài chính	22	505.318.265	2.613.378.015
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		502.205.286	2.410.195.087
24	8. Chi phí bán hàng	23	8.553.535.033	15.234.336.964
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	16.069.843.774	19.106.089.022
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		72.123.756.183	61.434.444.135
31	11. Thu nhập khác		724.760.246	1.893.174.364
32	12. Chi phí khác		190.612.919	1.106.520.527
40	13. Lợi nhuận khác		534.147.327	786.653.837
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(41.415.034.092)	(16.750.733.233)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.242.869.418	45.470.364.739
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	2.448.250.958	3.376.750.795
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	(91.666.686)	663.314.911
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.886.285.146	41.430.299.033
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.258.605.546	2.492.741.303
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		27.627.679.600	38.937.557.730
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	861	1.217

Dương Việt Nga
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		243.087.136.385	230.667.820.437
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(210.539.400.388)	(210.000.041.674)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.388.935.767)	(27.469.969.205)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(557.008.276)	(2.417.982.216)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.131.979.848)	(4.927.893.819)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.012.941.317	13.397.099.360
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.688.559.718)	(58.153.191.716)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(10.205.806.295)</i>	<i>(58.904.158.833)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(751.343.228)	(957.660.280)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		46.500.000	1.168.928.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(78.928.000.000)	(89.866.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		44.723.000.000	45.395.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	11.306.881.148
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		65.304.756.620	80.189.401.618
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>30.394.913.392</i>	<i>47.236.550.668</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		14.663.070.000	9.175.600.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.387.000.000)	(32.424.700.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.883.755.000)	(35.141.860.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(45.607.685.000)</i>	<i>(58.390.960.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(25.418.577.903)</i>	<i>(70.058.568.165)</i>

111
SNC
NHIF
GK
AI
111

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		52.978.788.551	119.238.918.723
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>27.560.210.648</u>	<u>49.180.350.558</u>



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

15
- TY
- HỮU
- ẨM TI
- SC
- 04 - T

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các công ty con của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD

Thông tin bổ sung về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TRƯỞNG
TỔNG
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	182.329.315	274.984.684
Tiền gửi ngân hàng	5.881.750.420	7.389.803.867
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	21.496.130.913	45.314.000.000
	<u>27.560.210.648</u>	<u>52.978.788.551</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	78.928.000.000	44.723.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>88.928.000.000</u>	<u>54.723.000.000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	67.338.126	176.095.083
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	21.839.570	10.034.355
Phải thu khác	199.438.400	116.103.300
	<u>288.616.096</u>	<u>302.232.738</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	665.834.033
Nguyên liệu, vật liệu	19.940.716.538	9.190.689.228
Công cụ, dụng cụ	541.611.105	512.858.367
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.029.915.667	2.433.706.028
Thành phẩm	28.547.627.336	23.773.712.414
Hàng hoá	211.062.818	618.702.498
	<u>53.270.933.464</u>	<u>37.195.502.568</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.556.937.600	1.138.020.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	185.383.102	4.268.617
	<u>1.742.320.702</u>	<u>1.142.288.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	137.614.320	-
Hệ thống thiết bị lồng dây stato động cơ	137.614.320	-
Sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định	901.006.502	-
Nâng cấp nhà xưởng cơ khí	883.507.411	-
Sửa chữa lớn nhà xưởng khác	17.499.091	-
	<u>1.038.620.822</u>	<u>-</u>

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	278.402.432.178	319.817.466.270
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	278.402.432.178	319.817.466.270
	<u>278.402.432.178</u>	<u>319.817.466.270</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	2.585.440.494	2.867.488.542
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	997.093.155	1.212.926.537
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	421.962.650	692.143.425
Chi phí tiền thuê đất phân bổ	2.437.098.508	2.481.097.204
Chi phí trả trước dài hạn khác	150.071.949	369.770.735
	<u>6.591.666.756</u>	<u>7.623.426.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.142.870.000	14.866.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	-	3.500.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽¹⁾	1.600.000.000	900.000.000
Cán bộ công nhân viên ⁽²⁾	12.542.870.000	10.466.800.000
	14.142.870.000	14.866.800.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 2 hợp đồng vay vốn sau:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/TCKT ngày 03/01/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2014 là: 400.000.000 đồng.

1.2 Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV/TCKT ngày 22/04/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.344.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2014 là: 1.200.000.000 đồng.

(2) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	754.469.253	3.008.122.023
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.741.362.781	2.303.704.171
Thuế Thu nhập cá nhân	43.126.962	97.370.700
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	3.168.193.550	-
	5.707.152.546	5.409.196.894

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	737.150.000	163.340.000
Trích trước phụ cấp HĐQT, thư ký, Ban kiểm soát	22.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	325.982.410	380.785.400
Chi phí phải trả khác	802.711.282	298.763.300
	<u>1.887.843.692</u>	<u>842.888.700</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	133.676.539	162.465.620
Bảo hiểm xã hội	535.786.270	10.014.705
Bảo hiểm y tế	15.625.626	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.944.712	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	41.363.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	95.000.000
Thu tiền để tài Bơm làm mát 150 m ³	299.300.000	671.500.000
Phải trả tiền khám sức khỏe	45.226.951	59.591.951
Phải trả tiền ký cược sách thư viện	220.600.000	221.000.000
Phải trả về bảo hộ lao động	72.150.000	72.150.000
Phải trả, phải nộp khác	76.981.637	50.696.800
	<u>1.447.654.735</u>	<u>1.342.419.076</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	320.000.000.000	91.683.218	-	3.274.987.693	1.092.446.401	144.144.871.242	468.603.988.554
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	38.937.557.730	38.937.557.730
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	175.998.838	400.000.000	(575.998.838)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.671.287.602)	(1.671.287.602)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	(1.344.190.223)	-	(2.518.831.189)	(3.863.021.412)
Tại ngày 30/06/2013	320.000.000.000	91.683.218	-	2.106.796.308	1.492.446.401	178.316.311.343	502.007.237.270
6 tháng đầu năm 2014							
Tại ngày 01/01/2014	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	2.035.375.855	1.419.871.385	207.244.574.454	531.802.177.787
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	27.627.679.600	27.627.679.600
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	191.395.582	400.000.000	(2.367.530.989)	(1.776.135.407)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(44.925.118.000)
Tại ngày 30/06/2014	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	2.226.771.437	1.819.871.385	187.579.605.065	512.728.603.980

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	57.570.334.497
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,69%	400.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,74%	1.000.000.000
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,52%	300.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 14% vốn điều lệ)	78,04%	44.925.118.000
Lợi nhuận chưa phân phối	19,01%	10.945.216.497



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số tiền tại ngày 30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền tại ngày 01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	81,34%	262.287.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	34,16%	110.162.500.000	18,66%	60.162.500.000
	100%	322.450.000.000	100%	322.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	322.450.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	322.450.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.925.118.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	44.925.118.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.226.771.437	2.035.375.855
Quỹ dự phòng tài chính	1.819.871.385	1.419.871.385
	4.046.642.822	3.455.247.240

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	118.347.250.174	155.671.543.774
Doanh thu bán hàng hóa	84.493.314.945	61.037.228.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.184.935.953	32.935.941.411
	235.025.501.072	249.644.714.123

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	3.032.866.616	531.996.355
	<u>3.032.866.616</u>	<u>531.996.355</u>

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	116.981.389.558	155.139.547.419
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	82.826.308.945	61.037.228.938
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.184.935.953	32.935.941.411
	<u>231.992.634.456</u>	<u>249.112.717.768</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	95.452.656.612	115.930.277.781
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.830.920.840	56.075.119.457
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.652.603.412	24.535.739.465
	<u>199.936.180.864</u>	<u>196.541.136.703</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.901.201.330	3.045.004.471
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	4.066.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	141.596.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.294.798.333	42.626.000.000
	<u>65.195.999.663</u>	<u>45.816.667.071</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	502.205.286	2.410.195.087
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	85.630.180
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.112.979	33.041.944
Chi phí tài chính khác	-	84.510.804
	<u>505.318.265</u>	<u>2.613.378.015</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	687.030.652	565.195.193
Chi phí nhân công	909.816.071	1.238.515.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.307.037	246.656.121
Chi phí bảo hành	167.250.271	2.001.778.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.630.256.154	2.120.063.246
Chi phí khác bằng tiền	4.014.874.848	9.062.128.524
	8.553.535.033	15.234.336.964

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	682.221.584	1.242.008.765
Chi phí nhân công	6.573.333.779	9.216.040.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.051.134	1.022.199.608
Thuế, phí, lệ phí	81.156.112	1.057.180.066
Hoàn nhập dự phòng	(155.000.000)	(632.266.939)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.380.290.242	1.125.718.472
Chi phí khác bằng tiền	5.904.790.923	6.075.208.081
	16.069.843.774	19.106.089.022

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.448.250.958	3.376.750.795
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.448.250.958	3.376.750.795

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	180.800.884	89.134.198
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	180.800.884	89.134.198
	180.800.884	89.134.198

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	89.134.198	964.284.556
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(180.800.884)	(300.969.645)
	(91.666.686)	663.314.911

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	27.627.679.600	38.937.557.730
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.627.679.600	38.937.557.730
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.089.370	32.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	861	1.217

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.484.257.830	138.602.328.800
Chi phí nhân công	23.694.793.793	31.616.788.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.722.736.695	4.292.337.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.185.435.488	8.676.699.838
Chi phí khác bằng tiền	11.879.484.824	21.491.585.490
	131.966.708.630	204.679.740.023

Y
C
T
O
I
3C
TP

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.560.210.648	-	52.978.788.551	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	112.084.219.095	(986.664.441)	98.994.003.470	(1.141.664.441)
Đầu tư ngắn hạn	88.928.000.000	-	54.723.000.000	-
	228.572.429.743	(986.664.441)	206.695.792.021	(1.141.664.441)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	14.142.870.000	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	55.615.162.499	32.858.364.122
Chi phí phải trả	1.887.843.692	842.888.700
	71.645.876.191	48.568.052.822

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh không tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.560.210.648	-	-	27.560.210.648
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.097.554.654	-	-	111.097.554.654
Đầu tư ngắn hạn	88.928.000.000	-	-	88.928.000.000
	227.585.765.302	-	-	227.585.765.302
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.978.788.551	-	-	52.978.788.551
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.852.339.029	-	-	97.852.339.029
Đầu tư ngắn hạn	44.723.000.000	-	-	44.723.000.000
Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	205.554.127.580	-	-	205.554.127.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	14.142.870.000	-	-	14.142.870.000
Phải trả người bán, phải trả khác	55.615.162.499	-	-	55.615.162.499
Chi phí phải trả	1.887.843.692	-	-	1.887.843.692
	<u>71.645.876.191</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>71.645.876.191</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	14.866.800.000	-	-	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	32.858.364.122	-	-	32.858.364.122
Chi phí phải trả	842.888.700	-	-	842.888.700
	<u>48.568.052.822</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>48.568.052.822</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm 12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.981.389.558	82.826.308.945	32.184.935.953	231.992.634.456	-	231.992.634.456
Chi phí bộ phận trực tiếp	95.452.656.612	81.830.920.840	22.652.603.412	199.936.180.864	-	199.936.180.864
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	21.528.732.946	995.388.105	9.532.332.541	32.056.453.592	-	32.056.453.592
Tài sản bộ phận trực tiếp	157.335.362.233	74.424.694.260	28.838.191.697	260.598.248.190	-	260.598.248.190
Tài sản không phân bổ	-	-	-	376.038.357.514	-	376.038.357.514
Tổng tài sản	157.335.362.233	74.424.694.260	28.838.191.697	636.636.605.704	-	636.636.605.704
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	45.055.163.090	31.900.397.762	16.987.942.036	93.943.502.888	-	93.943.502.888
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	13.115.830.288	-	13.115.830.288
Tổng nợ phải trả	45.055.163.090	31.900.397.762	16.987.942.036	107.059.333.176	-	107.059.333.176

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2013</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	348.935.200	14.076.287.666
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	52.535.742.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	(*)	21.898.311.454	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	(*)	1.998.420.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	(*)	275.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	(*)	2.192.400.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	2.845.250.580	4.949.321.400
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	(*)	2.441.658.144	-
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	13.666.810.396	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	(*)	1.805.591.193	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	(*)	602.830.715	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	(*)	22.995.897.000	-
Lãi vay vốn			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.281.728.250
Lãi cho vay vốn			
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	(*)	350.000.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu tiền hàng			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	6.937.920	-
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	16.962.000.000	-
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	14.570.941.783	5.404.233.839
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	(*)	-	8.481.615.010
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	(*)	425.489.688	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	(*)	2.200.554.313	-
Phải thu tiền cho vay			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.492.580.081	999.230.751
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	1.437.339.558	1.252.294.149
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	(*)	38.823.483	1.507.083
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	(*)	16.940.000.000	-

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đều là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	920.663.029	822.250.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

